TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ MHIAX VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 67/2017/HSST Ngày: 29/9/2017	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2017/HSST ngày 10 tháng 08 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh C**, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1968, tại N - Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: KD; Trình độ văn hoá: 10/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn Đ (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T (Đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1976; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1998 nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trương Thị N, sinh năn 1985, Trú tại: thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định, (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988, Trú tại: thôn 3 T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (Vắng mặt).

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1986, Trú tại: Tổ 58, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình, (Vắng mặt).

4. Anh Bùi Văn C1, sinh năm 1993, Trú tại: xóm Đ, đội 15, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, (Vắng mặt).

5. Anh Trần Lê H1, sinh năm 1993, Trú tại: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997, Trú tại: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, Trú tại: thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Mạnh C bị Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện N, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Mạnh C là chủ nhà nghỉ A tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhà nghỉ từ ngày 10/07/2014. Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 04 năm 2017, Nguyễn Mạnh C đã thuê Trương Thị N sinh năm 1985 ở thôn V, xã N, thành phố N; Nguyễn Thị P sinh năm 1988 ở thôn 3, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Trần Thị H sinh năm 1986 ở tổ 58, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình để làm gái bán dâm cho khách nam đến nhà nghỉ A của Nguyễn Mạnh C khi khách có nhu cầu mua dâm. Nguyễn Mạnh C đã thống nhất với Trương Thị N, Nguyễn Thị P, Trần Thị H khi có khách đến mua dâm Nguyễn Mạnh C là người trực tiếp giao dịch với khách mua dâm và trực tiếp thỏa thuận thu mỗi khách mua dâm 250.000^{đ} một lượt mua dâm sau đó sắp xếp cho khách lên phòng nghỉ tại nhà nghỉ A và đưa Trương Thị N hoặc Nguyễn Thị P, Trần Thị H lên bám dâm cho khách. Mỗi lần bám dâm Nguyễn Mạnh C trực tiếp trả công cho gái bán dâm 100.000^{đ} còn C được hưởng lợi 150.000^{đ}.

Trong ngày 12/04/2017, Nguyễn Mạnh C đã 04 lần thu tiền của khách mua dâm và điều động Trương Thị N, Nguyễn Thị P, Trần Thị H bán dâm cho Bùi Văn C1, Nguyễn Văn T, Trần Lê H1, Nguyễn Văn Đ cụ thể:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 12/04/2017, Bùi Văn C1 sinh năm 1993 ở đội 15, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình đến nhà nghỉ A của Nguyễn Mạnh C ở thôn P, xã Đ, huyện N để mua dâm. Khi C1 đến gặp Nguyễn Mạnh C để thỏa thuận mua dâm, C đã thu của C1 250.000^{đ} rồi đưa Bùi Văn C1 vào phòng 109 và gọi Trần Thị H vào bán dâm cho C1. Sau khi được Nguyễn Mạnh C gọi bán dâm thì Trần Thị H đã vào phòng 109 bán dâm cho Bùi Văn C1.

Sau đó đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày Nguyễn Văn T sinh năm 1997 ở thôn T, xã X, huyện N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1 chở Trần Lê H1 sinh năm 1993 ở thôn V, xã T, huyện N và Nguyễn Văn Đ sinh năm 1997 ở thôn H, xã X, huyện N đến nhà nghỉ A ở thôn P, xã Đ, huyện N để mua dâm. Khi T, H1, Độ đến nhà nghỉ A thì gặp Nguyễn Mạnh C tại sân nhà nghỉ A. Trần Lê H1 hỏi C "Có em nào không, cho ba em" ý nói có gái bán dâm không cho ba em. Nguyễn Mạnh C trả lời "Có" và thỏa thuận với H1 là 250.000^{đ} một lượt mua dâm thì H1

nhất trí lấy số tiền 750.000đ đưa cho C. Nguyễn Mạnh C cầm tiền rồi đưa Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Trần Lê H1 vào phòng 102, 103. 104 nhà nghỉ A và gọi Trương Thị N, Nguyễn Thị P đến phòng 102, 103 bán dâm cho T, Đ còn Trần Lê H1 do chưa có gái bán dâm nên H1 đã chờ ở phòng 104.

Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày tổ công tác Công an huyện N tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng 103 nhà nghỉ A, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị P đang quan hệ tình dục đã lập biên bản vi phạm hành chính, đồng thời thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu X-phone mầu đen viền đỏ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị P. Phát hiện tại phòng 109 có Bùi Văn C1 và Trần Thu H; phòng 102 có Nguyễn Văn T và Trương Thị N đã cởi hết quần áo đang chuẩn bị giao cấu đã bị tổ công tác phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, 01 thẻ căn cước công dân của Trần Thị H.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 09/8/2017 VKSND huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C về tội "Chứa mại dâm" theo Điều 254 khoản 2 điểm c Bộ luật hình sự (BLHS).

- Tại phiên toà đại diện VKSND huyện N, tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 BLHS (1999); khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS (năm 2015); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội; xử phạt: Nguyễn Mạnh C 36 tháng tù, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng; thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/9/2017. Giao bị cáo C cho gia đình và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C mức phạt từ 15 đến 20 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 khoản 1 BLHS, Điều 76 khoản 2 BLTTHS; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có; Tịch thu tiêu hủy 288 chiếc bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 77 chiếc bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng; 09 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor và 04 ruột bao cao su đã qua sử dụng.

- Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên bản vi phạm hành chính, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Mạnh C đã thuê Trương Thị N sinh năm 1985 ở thôn V, xã N, thành phố N; Nguyễn Thị P sinh năm 1988 ở thôn 3, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Trần Thị H sinh năm 1986 ở tổ 58, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình đến phục vụ khách sạn và bán dâm cho khách nam đến nhà nghỉ A của C khi khách có nhu cầu mua dâm. Trong ngày 12/04/2017, C đã trực tiếp 02 lần thỏa thuận với khách đến mua dâm tại nhà nghỉ là 250.000đ một lượt mua dâm và thu 1.000.000đ của khách mua dâm cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 21 giờ 40 phút ngày 12/04/2017, Bùi Văn C1 đến nhà nghỉ A gặp C để thỏa thuận mua dâm, C đã thu của C1 250.000đ rồi đưa C1 vào phòng 109 và gọi Trần Thị H vào bán dâm cho C1.

Lần thứ hai: khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Trần Lê H1 đến nhà nghỉ A thì gặp C tại sân nhà nghỉ A. H1 hỏi C "Có em nào không, cho ba em". C trả lời "Có" và thỏa thuận với H1 là 250.000đ một lượt mua dâm thì H1 nhất trí lấy số tiền 750.000đ đưa cho C. C cầm tiền rồi đưa T, Đ, H1 vào phòng 102, 103, 104 nhà nghỉ A và gọi Trương Thị N đến phòng 102 bán dâm cho T, Nguyễn Thị P đến phòng 103 bán dâm cho Đ còn H1 do chưa có gái bán dâm nên H1 đã chờ ở phòng 104.

Điều 254. Tội chứa mại dâm

1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

.....

c, Phạm tội nhiều lần.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm.

Như vậy hành vi nêu trên của Nguyễn Mạnh C đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" thuộc trường hợp "Phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự mặc dù biết rất rõ mại dâm là tệ nạn Xã hội trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Nhưng để thu lời bất chính, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo đang bị bệnh tiểu đường cần chữa trị dài ngày có sổ điều trị do Bệnh viện nội tiết Trung ương cấp là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS;

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ; Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo" và "ăn năn hối cải" quy tại tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 47 BLHS quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để áp dụng đối với bị cáo; đồng thời áp dụng Điều 60 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú theo dõi, giám sát bị cáo cũng đủ điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Mặt khác cần áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định của BLHS (năm 2015): tại khoản 2 Điều 327 BLHS (năm 2015) quy định mức hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù; tại khoản 2 Điều 254 BLHS (năm 1999) qui định mức hình phạt từ 05 năm đến 15 năm tù. Do đó cần áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS (năm 2015); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm."; Do đó, Hội đồng xét xử quyết định, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng.

Ngoài ra trong vụ án này quá trình điều tra Trương Thị N, Trần Thị Phương, Trần Thị H còn khai nhận ngoài lần bám dâm cho khách ngày 12/04/2017 tại nghỉ A của Nguyễn Mạnh C thì Trương Thị N, Trần Thị P, Trần Thị H còn nhiều lần được C điều đi bán dâm cho khách tại nhà nghỉ A. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này.

Đối với Trương Thị N, Trần Thị Phương, Trần Thị H là những người bán dâm; Bùi Văn C1, Nguyễn Văn T, Trần Lê H1, Nguyễn Văn Đ là những người mua dâm. Xét hành vi của Trương Thị N, Trần Thị Phương, Trần Thị H, Bùi Văn C1, Nguyễn Văn T, Trần Lê H1, Nguyễn Văn Đ chưa đến mức phải xử lý hình sự nên Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với N, P, H, C1, T, H1, Đ là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT công an huyện N đã thu giữ:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1 thu Nguyễn Văn T đã xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn C (anh trai của Nguyễn Văn T) cho T mượn sử dụng không liên quan đến vụ án. Quá trình điều tra anh C đã ủy quyền cho anh T nhận lại tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là phù hợp.

- Đối với 01 xe máy điện mầu xanh biển kiểm soát 35MĐ3 thu của Bùi Văn C1 đã xác định là tài sản hợp pháp của C1 không liên quan đến việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trả lại cho C1 là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu X-phone mầu đen viền đỏ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 và 01 thẻ căn cước công dân của Trần Thị H. Đã xác định là tài sản hợp pháp của P, Đ, H không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho P, Đ, H là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.930.000đ thu của Nguyễn Mạnh C đã xác định số tiền 1.000.000đ liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Số tiền còn lại 930.000đ không liên quan đến việc phạm tội; 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIRVISION, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia A220 mầu đen thu của C đã xác định là tài sản hợp pháp của C và 01 quyển sổ tay nhãn hiệu Lucky Diary KT (8,5cmx11,5cm); 01 quyển sổ tay bìa caro mầu bạc KT (10,5cmx7,5cm); 01 quyển sổ tay nhãn hiệu NotebookA7; 01 quyển sổ tay mầu vàng nhãn hiệu Happiness Diary KT(8,5cmx11,5cm); 01 quyển sổ tay không nhãn hiệu KT (10cmx7cm); 01 quyển sổ tay nhãn hiệu Hải Tiến KT(13cmx8,5cm) thu tại nhà nghỉ của C không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 930.000đ; 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIRVISION; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia A220 mầu đen và 06 quyển sổ tay đã thu giữ cho C là phù hợp.

- Đối với 288 chiếc bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 77 chiếc bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng; 09 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor và 04 ruột bao cao su đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội "Chứa mại dâm".

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của BLHS (năm 1999). Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS (năm 2015); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 3 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (Năm) năm; thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/9/2017. Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án và thời gian thử thách; Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc

giám sát, giáo dục bị cáo C; Nếu bị cáo Nguyễn Mạnh C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo Nguyễn Mạnh C 10.000.000đ (Mười trệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với khoản tiền mà bị cáo phải thi hành (trừ tiền án phí) cho đến khi thi hành xong hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a , đ khoản 1 Điều 76 BLTTHS.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); Số tiền 1.000.000đ hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N.

- Tịch thu tiêu hủy 288 chiếc bao cao su nhãn hiệu VIP; 77 chiếc bao cao su nhãn hiệu Doctor; 09 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor và 04 ruột bao cao su đã qua sử dụng. (Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2017 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3/ án phí: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- THADS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Lưu (H.Sơ, V.Phòng);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình